TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/DS-ST
Ngày: 26/5/2017
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia

2. Bà Nguyễn Thị Huê

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 "*V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-ST ngày 12/5/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; trú tại: Tổ N, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà T có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1974; trú tại: Tổ N, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T có cho bà S mượn tiền hai lần tổng cộng 470.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*). Các lần mượn bà S đều viết giấy và ký xác nhận đầy đủ, sau đó bà T yêu cầu bà S trả tiền nhưng bà S hẹn mà không trả, đến nay bà S vẫn chưa trả cho bà T số tiền nói trên.

Hôm nay, bà T yêu cầu bà S phải trả số tiền 470.000.000đ tiền gốc, bà T không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà S trình bày: Bà S thừa nhận có vay tiền của bà T hai lần và hiện còn nợ bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 470.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*) như bà T trình bày. Bà T nhiều lần đòi nhưng do gia đình bà S gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả cho bà T được.

Về "Giấy mượn tiền" ngày 23/7/2016 và "Giấy mượn tiền" ngày 20/10/2016 (Âm lịch) bà S thừa nhận đã viết và ký xác nhận vào các giấy mượn tiền đó. Hiện nay gia đình bà S gặp khó khăn về kinh tế và còn nợ nhiều người nên trả dần số nợ trên mỗi tháng trả 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho đến khi hết số tiền nợ

470.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*) nêu trên, chứ không có khả năng trả một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thu S thừa nhận hai "Giấy mượn tiền" ngày 23/7/2016 và "Giấy mượn tiền" ngày 20/10/2016 (Âm lịch) đều do bà S viết và ký xác nhận. Vì thế việc bà S có nợ bà T số tiền 470.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*) là sự thật. Bà S cho rằng hiện tại rất khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho đến khi hết số tiền nợ 470.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng)* cho bà T. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T không đồng ý với phương án trả nợ mà bà S nêu ra, vì thế, yêu cầu của bà S không được chấp nhận.

[2] Việc bà T có cho bà S vay hai lần tiền và hiện bà S còn nợ bà T tổng cộng 470.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*) vào ngày 23 tháng 7 và ngày 20 tháng 10 năm 2016. Do các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự và hoàn thành giao dịch trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì trường hợp trên được áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Vì thế, bà S có trách nhiệm phải trả số tiền còn nợ cho bà T là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp

[3] Về khoản lãi: Bà T không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu của bà T buộc bà S phải trả cho bà T số tiền 470.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*). Như vậy, bà S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 22.800.000đ (*Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là 470.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 22.800.000đ (*Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.400.000đ *(Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000872 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Mai Trung Toàn